

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2022

*“Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung khi ly hôn”.*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Siu Tư Lul

2. Ông Nay Vinh

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn R, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Xuân L, sinh năm 1982; trú tại: Thôn R, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng. Khi về nhà thì anh L thường xuyên mắng chửi, xúc phạm và đánh đập chị. Gia đình nhiều lần khuyên can, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị và anh L không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Xuân L.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung gồm: cháu Mai Xuân N, sinh ngày 28/9/2002; cháu Mai Hoàng N, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Mai Hoàng Y, sinh ngày 03/01/2011. Hiện cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Y và cháu N cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Mai Xuân L:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh L tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không cung cấp chứng cứ gì. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Mai Xuân L; Về con chung: giao cháu Mai Hoàng N, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Mai Hoàng Y, sinh ngày 03/01/2011 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1]. Về tố tụng:**

Ngày 18/3/2022 chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Mai Xuân L có nơi cư trú tại thôn R, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Mai Xuân L vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Mai Xuân L và yêu cầu khởi kiện của chị H thấy rằng:

Chị Hoàng Thị H và anh Mai Xuân L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị H thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng còn thường xuyên mắng chửi, xúc phạm và đánh đập chị; chị và anh L mặc dù là vợ chồng nhưng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Do anh L không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị H đã trình bày. Tuy nhiên, việc anh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị H.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú, thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật, mặc dù là vợ chồng nhưng anh chị không còn chung sống với nhau, anh L sinh sống tại địa phương còn chị H đi làm ăn xa.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh L xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L.

**[3]. Về con chung:** Anh chị có 03 con chung gồm cháu Mai Xuân N, sinh ngày 28/9/2002; cháu Mai Hoàng N, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Mai Hoàng Y, sinh ngày 03/01/2011. Hiện cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu Y cho đến khi các cháu trưởng thành.

Tòa án làm việc ghi nhận ý kiến của cháu N và cháu Y, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L để làm việc liên quan đến việc nuôi con chung của anh chị, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của anh L về việc nuôi con chung, điều đó thể hiện anh L có thái độ không quan tâm, bỏ mặc cho sự việc xảy ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu Y cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích cho chị H biết về quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo cuộc sống cho các con, nhưng chị H không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 86 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Mai Xuân L.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Hoàng N, sinh ngày 06/9/2006 và cháu Mai Hoàng Y, sinh ngày 03/01/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005267 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã H, H, Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Dậu**